



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

1/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN           | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|---------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                     |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 161325228  | Nguyễn Duyên Anh    | MTH 101 A   | K16KCD9       |       |        |          |     |         |
| 2   | 161446046  | Trần Thị Phương Anh | MTH 101 A   | K16KCD3       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820715735 | Phùng Huỳnh Tú Anh  | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1821715407 | Lê Vũ Gia Bảo       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820715897 | Bùi Thị Bích        | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820715898 | Trần Thị Huỳnh Châu | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820715896 | Hoàng Linh Chi      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820713701 | Nguyễn Thị Chử      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1821724968 | Trần Văn Chung      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820716458 | Võ Thị Triều Dâng   | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1821715408 | Nguyễn Hải Đăng     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820715737 | Lê Thị Mỹ Danh      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820726552 | Nguyễn Thị Anh Đào  | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 14  | 161326970  | Trần Thành Đạt      | MTH 101 A   | K16KCD9       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1821724419 | Phan Đức Đạt        | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820716523 | Nguyễn Thị Diễm     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1821715406 | Nguyễn Khánh Diện   | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820256071 | Nguyễn Thị Điều     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1821724422 | Đặng Bảo Dương      | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 20  | 172427705  | Hồ Lê Giang         | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 21  | 1820723914 | Đỗ Thị Ngân Giang   | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820713911 | Võ Thị Thu Hà       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1821723915 | Trần Ngọc Hải       | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                     |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

2/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|--------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                          |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 161325308  | Bùi Diễm Hằng            | MTH 101 A   | K16KCD9       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820714388 | Nguyễn Thị Diễm Hằng     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820716094 | Đinh Thị Thái Hằng       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1821716093 | Võ Thanh Hằng            | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 161327221  | Trần Thị Mỹ Hạnh         | MTH 101 A   | K16KCD4       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820713910 | Lê Thị Thu Hiền          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820715403 | Đinh Thị Hoa             | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1821713908 | Hồ Duy Hòa               | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1821713702 | Võ Minh Hoàng            | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820714386 | Đặng Hoàng Việt Hồng     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820725900 | Nguyễn Thị Huân          | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 12  | 161327392  | Nguyễn Thị Huệ           | MTH 101 A   | K16KCD4       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1821724966 | Trịnh Văn Hùng           | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820715405 | Phạm Thị Kim Hương       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820716338 | Nguyễn Phước Quỳnh Hương | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1821724417 | Lê Kim Huy               | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820714391 | Phan Thị Bích Huyền      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820715402 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền    | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820726345 | Đặng Kim Khánh           | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 20  | 1821713909 | Lê Tảo Nguyên Khương     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1821724970 | Phạm Đăng Lâm            | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820326107 | Trần Thị Lan             | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820715400 | Hàng Thị Tố Lan          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                          |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

3/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                 | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|---------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                           |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820716691 | Phạm Thị Trúc Lê          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820266451 | Nguyễn Thị Kim Liên       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820716237 | Tạ Diệu Liên              | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820316352 | Lý Thị Hồng Ly            | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820713699 | Phạm Thị Thanh Mai        | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1821716336 | Lê Hữu Đức Minh           | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820714392 | Nguyễn Ngọc Hoàng My      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820715739 | Võ Thị Hoàng Ngân         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820716339 | Nguyễn Lê Kim Ngân        | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820716236 | Nguyễn Thị Như Ngọc       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 161325525  | Võ Thị Hồng Nguyễn        | MTH 101 A   | K16KCD9       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820715738 | Ngô Thị Quỳnh Nhi         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820716340 | Lê Thị Thùy Nhung         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820716692 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung    | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820723913 | Vũ Hồng Nhung             | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820714381 | Hứa Bảo Ninh              | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820725422 | Nguyễn Thị Yên Nữ         | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820714394 | Hà Thị Kiều Oanh          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820724421 | Nguyễn Thị Thu Oanh       | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820716456 | Mai Thị Phúc              | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1821714952 | Nguyễn Hoàng Phước        | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820713704 | Nguyễn Thị Yên Phương     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820716457 | Phạm Nguyễn Nguyên Phương | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                           |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

4/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                   | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                             |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820723716 | Nguyễn Thị <b>Phương</b>    | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 2   | 1821716341 | Nguyễn Trần <b>Quang</b>    | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1821713907 | Lê Đình <b>Sinh</b>         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820716337 | Nguyễn Thị <b>Tâm</b>       | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820724424 | Đậu Thị Thanh <b>Tâm</b>    | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 6   | 1821724420 | Phan Ngọc <b>Tấn</b>        | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 7   | 1821713700 | Trần Khắc <b>Thắng</b>      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820724969 | Trần Thị Lệ <b>Thanh</b>    | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820215321 | Ngô Thị Thu <b>Thảo</b>     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820714387 | Trần Thị Phương <b>Thảo</b> | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820715404 | Trần Thị Phương <b>Thảo</b> | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820716091 | Lê Thu <b>Thảo</b>          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820716459 | Lê Thị Thu <b>Thảo</b>      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820716550 | Thân Lê Mai <b>Thảo</b>     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820716549 | Võ Thị Minh <b>Thi</b>      | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 16  | 141444372  | Lô Minh <b>Thơ</b>          | MTH 101 A   | K14DCD1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820724967 | Nguyễn Thị Hoài <b>Thu</b>  | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820725420 | Trần Thị <b>Thu</b>         | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 19  | 161325681  | Thái Thị Bình <b>Thư</b>    | MTH 101 A   | K16KCD9       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820716586 | Lê Hiền <b>Thư</b>          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1821714951 | Dương Văn <b>Thuần</b>      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820715401 | Trần Thị <b>Thúy</b>        | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820714390 | Đỗ Hoàng <b>Thủy</b>        | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

5/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN              | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                        |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820716634 | Phạm Thị Thanh Thủy    | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820714395 | Nguyễn Thị Thuyền      | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820714383 | Trương Hoàng Thùy Tiên | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820714396 | Hà Thùy Tiên           | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1821724423 | Nguyễn Quốc Tín        | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820715736 | Nguyễn Thị Thùy Trâm   | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820725421 | Nguyễn Thị Thùy Trang  | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 8   | 1821724418 | Trần Hoàng Triều       | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820714385 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820714949 | Lê Ngọc Phương Trinh   | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820714953 | Phạm Thị Quý Trinh     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1821724425 | Nguyễn Nho Trinh       | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 13  | 161446309  | Nguyễn Vĩnh Trọng      | MTH 101 A   | K16DCD3       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1821725743 | Nguyễn Anh Tú          | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 15  | 1821714397 | Hoàng Sơn Tùng         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820713703 | Nông Thị Út            | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 151324639  | Nguyễn Thị Thục Uyên   | MTH 101 A   | K15KCD7       |       |        |          |     |         |
| 18  | 161325800  | Vũ Thị Tố Uyên         | MTH 101 A   | K16KCD4       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820725423 | Lê Bảo Uyên            | MTH 101 A   | K18DLL        |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820714389 | Hồ Thảo Vân            | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1821714382 | Nguyễn Thái Vũ         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1821714384 | Nguyễn Tấn Vũ          | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1821716668 | Phạm Nguyên Vũ         | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

6/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN             | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820716092 | Lê Thị Thanh Xuân     | MTH 101 A   | K18DLK1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820266235 | Nguyễn Thị Vũ An      | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820266334 | Trần Thị Bích Ân      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820264931 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820264942 | Trần Nữ Mai Anh       | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820266085 | Nguyễn Trần Quỳnh Anh | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820264941 | Phan Thị Ngọc Ánh     | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820264946 | Nguyễn Thị Kim Chi    | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820266333 | Nguyễn Thị Ngọc Diễm  | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820266522 | Nguyễn Thị Thu Diệu   | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820266332 | Hồ Thị Bình Dương     | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820264928 | Mạc Tường Huyền Giang | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820265733 | Lê Thị Hương Giang    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 14  | 104040519  | Lương Ngọc Hà         | MTH 101 B   |               |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820255378 | Trương Thị Thu Hà     | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 152314079  | Hoàng Thị Lệ Hằng     | MTH 101 B   | K15KKT5       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820264940 | Huỳnh Thị Thanh Hằng  | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820266234 | Võ Thị Hằng           | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820264935 | Trần Thị Phương Hạnh  | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1821264934 | Ngô Văn Hậu           | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 152333169  | Trần Thu Hiền         | MTH 101 B   | K15QTH2       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820264367 | Bùi Thị Thu Hiền      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 23  | 161325352  | Lê Thi Hòa            | MTH 101 B   | K16KCD5       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

7/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN             | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1821265394 | Phạm Ngọc Hoàng       | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820265393 | Nguyễn Thị Thu Huệ    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 3   | 161325377  | Hồ Thị Thuý Hương     | MTH 101 B   | K16KCD8       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1821264937 | Đỗ Văn Huy            | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820266088 | Nguyễn Thị Diệu Huyền | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820266452 | Võ Thị Diệu Huyền     | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1821264364 | Phan Trung Kiên       | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 152523570  | Nguyễn Thị Bích Liên  | MTH 101 B   | K15QTH1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820264929 | Nguyễn Thị Diệu Linh  | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820264948 | Lê Thùy Linh          | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820264368 | Phan Thị Mỹ Loan      | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820265734 | Lương Thị Phương Loan | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 13  | 161325437  | Phạm Thị Ngọc Lợi     | MTH 101 B   | K16KCD8       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1821265728 | Đoàn Ngọc Quỳnh Long  | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820264930 | Phan Thị Thảo Ly      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820264938 | Phạm Thị Mai Ly       | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820264374 | Chang Ngọc Mai        | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820266089 | Hoàng Thị Mai         | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1821264372 | Hoàng Kim Mạnh        | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 161325459  | Trần Ngô Tuấn Minh    | MTH 101 B   | K16KCD8       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1820265397 | Hoàng Thị Thanh Minh  | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820263695 | Trần Thị Nga          | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1821265731 | Nguyễn Trung Nghĩa    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

8/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN               | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                         |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820263694 | Lại Bảo Ngọc            | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820264380 | Nguyễn Thị Bích Ngọc    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820266083 | Tạ Thị Ngọc             | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1821263692 | Phan Thị Bích Ngọc      | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820265395 | Đoàn Thị Tú Nguyên      | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820266716 | Phan Thị Thảo Nguyên    | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820264369 | Nguyễn Thy Yến Nhi      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820264377 | Trương Hải Nhi          | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820264933 | Hoàng Thị Quỳnh Như     | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820264365 | Hoàng Thị Hồng Nhung    | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820265732 | Nguyễn Thị Nhung        | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820266084 | Trịnh Thị Nhung         | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820256631 | Nguyễn Thị Phương       | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820264370 | Nguyễn Thị Thanh Phương | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820264371 | Tôn Nữ Thùy Phương      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820264378 | Nguyễn Thị Trúc Phương  | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820265725 | Đoàn Thị Hoài Phương    | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820263906 | Phạm Thị Kim Quyên      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820264936 | Lê Thị Tịnh Quyên       | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820266450 | Nguyễn Thị Kim Quyên    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1820266455 | Nguyễn Thị Tùng Quyên   | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 162524336  | Bùi Ngọc Khánh Quỳnh    | MTH 101 B   | K17QNH        |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820266087 | Nguyễn Thị Yến San      | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG





BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

9/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN              | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                        |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820266232 | Nguyễn Trà Thanh Tâm   | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 2   | 161325640  | Nguyễn Phan Nhật Tân   | MTH 101 B   | K16KCD8       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820265730 | Hồ Thị Thắm            | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1821266335 | Trần Văn Thân          | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 5   | 161135982  | Hoàng Lê Thanh Thảo    | MTH 101 B   | K16KCD8       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820264375 | Nguyễn Thị Phương Thảo | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820266233 | Ngô Thị Phương Thảo    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820265726 | Cao Thị Hồng Thư       | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 9   | 161325695  | Trần Thị Phương Thuý   | MTH 101 B   | K16KCD6       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820265398 | Võ Thị Thùy            | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820214217 | Phan Thị Thủy          | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820263693 | Đỗ Phương Thủy         | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820266521 | Nguyễn Thị Ngọc Thủy   | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820264376 | Trần Thị Thu Tình      | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820263696 | Đặng Thị Hạ Trâm       | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820263904 | Đoàn Đoan Trang        | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820263905 | Đoàn Thu Trang         | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820264939 | Hoàng Thị Hà Trang     | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820266454 | Ngô Thị Mai Trang      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820263697 | Nguyễn Hồ Xuân Trinh   | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1820266585 | Lữ Thị Trinh           | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1821264379 | Trương Quốc Trung      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820266453 | Phan Nguyễn Ngọc Tú    | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

10/20

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                      | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|--------------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                                |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820264932 | Nguyễn Thị <b>Tương</b>        | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820265399 | Hoàng Thị <b>Tuyết</b>         | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820263698 | Ngô Nữ Hoàng <b>Uyên</b>       | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820264373 | Vũ Thị Quỳnh <b>Uyên</b>       | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 161325809  | Trần Thị Tường <b>Vi</b>       | MTH 101 B   | K16KCD5       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1821266548 | Nguyễn Quốc <b>Vinh</b>        | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820266090 | Trần Thị Thu <b>Vui</b>        | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820264944 | Trần Thị Hà <b>Vy</b>          | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820265729 | Trương Huỳnh Thùy <b>Vy</b>    | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820266633 | Trần Thị Nhật <b>Vy</b>        | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820264366 | Phạm Lê Hải <b>Yến</b>         | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820264943 | Nguyễn Thị Hải <b>Yến</b>      | MTH 101 B   | K18KDN2       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1821255392 | Nguyễn Thị <b>Yến</b>          | MTH 101 B   | K18KDN1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1810226165 | Hồ Hoàng Trâm <b>Anh</b>       | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1811226164 | Phạm Vương <b>Anh</b>          | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1811225069 | Nguyễn Thắng Gia <b>Bảo</b>    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1811223956 | Nguyễn Đức <b>Cảnh</b>         | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1811225566 | Mai Quốc <b>Cường</b>          | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1811226397 | Lê Nguyễn Mạnh <b>Cường</b>    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1811225564 | Trần Thành <b>Đạt</b>          | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1811225571 | Trần Long <b>Đạt</b>           | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1810223779 | Lê Thị Thùy <b>Dung</b>        | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1810224610 | Phan Huỳnh Thị Thù <b>Dung</b> | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                                |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                   | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                             |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1810225080 | Lê Thị Thùy <b>Dung</b>     | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1810226266 | Phan Thị Phương <b>Dung</b> | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1810226649 | Hồ Thị Thùy <b>Dung</b>     | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1811226157 | Trần Đình Quốc <b>Duy</b>   | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1810224613 | Trương Thị Mỹ <b>Duyên</b>  | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1810223788 | Trần Thị Thu <b>Hà</b>      | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1810224611 | Lý Thị <b>Hà</b>            | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1810226650 | Trần Ngọc Linh <b>Hà</b>    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1810226268 | Nguyễn Thị Lệ <b>Hằng</b>   | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1811224615 | Ngô Anh <b>Hào</b>          | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1811225067 | Lại Ngọc Trung <b>Hiếu</b>  | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1810225796 | Lã Thị Thanh <b>Hoa</b>     | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1810225068 | Nguyễn Thị Việt <b>Hồng</b> | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1810225567 | Phan Thị Hồng <b>Huệ</b>    | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1810226155 | Nguyễn Thị Mai <b>Huệ</b>   | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 171578763  | Lê Nhật <b>Hùng</b>         | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 114240970  | Đinh Quang <b>Hưng</b>      | MTH 101 C   |               |       |        |          |     |         |
| 18  | 171575535  | Võ Hoàng <b>Huy</b>         | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1811224609 | Đặng Quốc <b>Huy</b>        | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1811225953 | Hoàng Quốc <b>Huy</b>       | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1811226160 | Trần Thanh <b>Kế</b>        | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1811223782 | Kiều Lê Ngọc <b>Khánh</b>   | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1810225568 | Lê Thị Thanh <b>Lan</b>     | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

12/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN              | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                        |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1810223783 | Trần Ngọc Linh         | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1810225797 | Trương Ngọc Khánh Linh | MTH 101 C   | K18PSU_QCD    |       |        |          |     |         |
| 3   | 1810226161 | Nguyễn Thị Linh        | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 4   | 171325994  | Phạm Thị Vy Lơ         | MTH 101 C   | K17KCD8       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1810224637 | Nguyễn Thị Kim Loan    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1811225066 | Lê Luật                | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1810223955 | Phạm Thị Lý            | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1810225072 | Đoàn Thị Ngọc Lý       | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 171578766  | Phạm Thị Phương Mai    | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 10  | 171326209  | Trần Lê Minh           | MTH 101 C   | K17KCD6       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1811224623 | Trần Hưng Mỹ           | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1810223954 | Nguyễn Thị Ly Na       | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1810225569 | Nguyễn Thị Nga         | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1810225579 | Nguyễn Việt Nga        | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 171576607  | Lê Văn Trọng Nghĩa     | MTH 101 C   | K17PSU_QCD2   |       |        |          |     |         |
| 16  | 1810226393 | Nguyễn Thị Như Ngọc    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1811226391 | Nguyễn Thanh Hồng Ngọc | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 18  | 171326772  | Phạm Tường Thảo Nhi    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1810225081 | Trịnh Thị Yến Nhi      | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1810225577 | Huỳnh Thị Ngũ Nhung    | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1811225572 | Phan Thanh Phúc        | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1810225565 | Nguyễn Thị Kim Phụng   | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1811224612 | Lê Thanh Phước         | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                        |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

13/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                   | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ      |
|-----|------------|-----------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|--------------|
|     |            |                             |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |              |
| 1   | 1810223777 | Lê Thị Nhật <b>Phương</b>   | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 2   | 1811226265 | Trần Văn <b>Quang</b>       | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 3   | 1810225956 | Nguyễn Thị Thanh <b>Quy</b> | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 4   | 1811226396 | Võ Minh <b>Tấn</b>          | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 5   | 1811224619 | Trần Hữu <b>Thắng</b>       | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 6   | 1811225074 | Hồ Đức <b>Thắng</b>         | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 7   | 1810225078 | Phan Thị Phương <b>Thảo</b> | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 8   | 1810225085 | Trần Thị Phương <b>Thảo</b> | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 9   | 171575675  | Trần Trọng <b>Thiện</b>     | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 10  | 1810225954 | Thái Thị <b>Thu</b>         | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 11  | 1810223781 | Huỳnh Thị Diễm <b>Thúy</b>  | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 12  | 1810225064 | Cao Thị <b>Thủy</b>         | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 13  | 1810225065 | Trần Thị Hồng <b>Thủy</b>   | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 14  | 1810223789 | Nguyễn Thị <b>Tiên</b>      | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 15  | 1810226390 | Hồ Thủy <b>Tiên</b>         | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 16  | 1810224622 | Ngô Nhật Bích <b>Trâm</b>   | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 17  | 1810226538 | Nguyễn Thị Bảo <b>Trân</b>  | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 18  | 1810223786 | Nguyễn Thị Thu <b>Trang</b> | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 19  | 1811226395 | Phạm Hoàng <b>Trung</b>     | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 20  | 171135841  | Phạm Minh <b>Tuấn</b>       | MTH 101 C   | K17TCD2       |       |        |          |     | <i>Nợ HP</i> |
| 21  | 1811226389 | Trần Đình <b>Tuấn</b>       | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |              |
| 22  | 1811226501 | Nguyễn Hoàng <b>Tuấn</b>    | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 23  | 1811415096 | Nguyễn Anh <b>Tuấn</b>      | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |              |
| 24  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 25  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 26  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 27  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 28  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 29  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 30  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 31  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |
| 32  |            |                             |             |               |       |        |          |     |              |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN             | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1811225070 | Nguyễn Thanh Tùng     | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1811224626 | Nguyễn Thoại Tỷ       | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 3   | 171575748  | Trần Đình Văn         | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1810225802 | Nguyễn Thị Tường Vi   | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1811225950 | Phạm Thế Vị           | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1811225574 | Nguyễn Đức Vĩnh       | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1811225073 | Lê Tuấn Vũ            | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1811225063 | Đặng Duy Nhật Vương   | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1810225957 | Trần Thị Thảo Vy      | MTH 101 C   | K18QCD1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1810225801 | Lê Thị Mich Xi        | MTH 101 C   | K18QCD2       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1810226267 | Võ Trâm Anh           | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1810223784 | Lâm Phương Quỳnh Châu | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1811114503 | Phạm Văn Đạt          | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1811224624 | Huỳnh Thanh Duẩn      | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 15  | 161325271  | Nguyễn Việt Đức       | MTH 101 D   | K16KCD6       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1810224608 | Nguyễn Thùy Dung      | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1811226537 | Nguyễn Diễm Dương     | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1811224628 | Trần Đình Giáp        | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1810225952 | Nguyễn Thị Tuyết Hân  | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1810226270 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh  | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1810225071 | Trần Minh Hiền        | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1810226607 | Đặng Thị Thu Hoa      | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1811225576 | Nguyễn Minh Hoàng     | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA



**MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101**

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN                   | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                             |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1810223953 | Lê Thị Mỹ <b>Huệ</b>        | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1811224625 | Đỗ Văn <b>Hường</b>         | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1811224629 | Trần Minh Hoàng <b>Huy</b>  | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1810226500 | Nguyễn Thị <b>Lâm</b>       | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1811225798 | Nguyễn Quang Vũ <b>Linh</b> | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1810223785 | Lâm Thị Hồng <b>Loan</b>    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1810223778 | Trần Thị Minh <b>Lý</b>     | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1811225575 | Nguyễn Trường <b>Nam</b>    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1810225955 | Trần Lê Hoài <b>Nhân</b>    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 10  | 171575608  | Trần Thị Huỳnh <b>Nhi</b>   | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1810225580 | Văn Thị Minh <b>Oanh</b>    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1811224614 | Tăng Hiếu <b>Phụng</b>      | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1810225581 | Lê Thị Hoài <b>Phương</b>   | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1810225570 | Nguyễn Phương <b>Quỳnh</b>  | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1811226158 | Dương Chiến <b>Thắng</b>    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1810225076 | Thái Thị <b>Thanh</b>       | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1810226394 | Trương Thị Thu <b>Thúy</b>  | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1810226651 | Nguyễn Thị <b>Thùy</b>      | MTH 101 D   |               |       |        |          |     |         |
| 19  | 1810224621 | Nguyễn Thị <b>Thủy</b>      | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1810224644 | Văn Thị Thủy <b>Tiên</b>    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1810226162 | Nguyễn Thị Thủy <b>Tiên</b> | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1810224616 | Trần Thị Ngọc <b>Trâm</b>   | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1810225958 | Hoàng Lê Việt <b>Trinh</b>  | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                             |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

16/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN            | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                      |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 171135839  | Nguyễn Tấn Tuấn      | MTH 101 D   | K17TCD1       |       |        |          |     | Nợ HP   |
| 2   | 1811224630 | Trịnh Thanh Tuấn     | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1811226163 | Nguyễn Thanh Tuấn    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1810225573 | Hà Lê Nhật Vi        | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1811224627 | Trần Thanh Việt      | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1811623807 | Lương Quang Vũ       | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1810223957 | Thái Nguyễn Hạ Vy    | MTH 101 D   | K18QCD3       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820225875 | Đoàn Thị Khánh An    | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820233636 | Nguyễn Trần Kiều An  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820226437 | Nguyễn Thị Minh Anh  | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820234887 | Lê Ngọc Anh          | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1821226518 | Lê Thu Vân Anh       | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1821224871 | Lê Nguyên Cát        | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820225333 | Võ Kim Châu          | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1821233633 | Trương Quốc Cường    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1821235338 | Nguyễn Mạnh Cường    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820236315 | Lê Thị Bích Đào      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1820226310 | Phạm Thị Ngọc Diệp   | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820225701 | Trần Thị Thùy Dung   | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820226221 | Nguyễn Thị Thùy Dung | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1821234889 | Bùi Duy Dũng         | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 152525910  | Trịnh Trí Sơn Dương  | MTH 101 E   | K15QNH8       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820234274 | Lê Thị Thu Duyên     | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                      |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG





BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

17/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN       |       | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------|-------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                 |       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820234275 | Phạm Thị Cẩm    | Giang | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820234885 | Lê Thị Yên      | Hà    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1821234278 | Nguyễn Như      | Hà    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 172227109  | Nguyễn Thị      | Hải   | MTH 101 E   | K17XDC        |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820226628 | Ngô Trịnh Minh  | Hằng  | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820234879 | Huỳnh Thị Hồng  | Hạnh  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 162524191  | Tổng Thị Thu    | Hiền  | MTH 101 E   | K17QNH4       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820234272 | Đoàn Thị Lệ     | Hiền  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 152523709  | Nguyễn Nhật     | Hoàng | MTH 101 E   | K15QNH7       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1821234282 | Nguyễn Minh     | Hoàng | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1821234270 | Lê Văn          | Hưng  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1821236546 | Vũ Quốc         | Huy   | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820224265 | Nguyễn Thị Thu  | Huyền | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820236439 | Đoàn Trịnh Thu  | Huyền | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820236665 | Phùng Diệu      | Huyền | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 152523621  | Huỳnh Thị Hoàng | Kim   | MTH 101 E   | K15QNH7       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820235878 | Phan Thị Diễm   | Lam   | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1821225334 | Nguyễn Văn      | Lâm   | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 161325415  | Lê Hà Trúc      | Linh  | MTH 101 E   | K16KCD8       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820224869 | Trần Thị Diệu   | Linh  | MTH 101 E   |               |       |        |          |     |         |
| 21  | 1820225702 | Nguyễn Thị Hà   | Linh  | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820225874 | Phạm Thị Hồng   | Linh  | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820233640 | Đoàn Thùy       | Linh  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                 |       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(MTH 101 ABCDE)

18/20

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN             | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820234281 | Phan Thùy Linh        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820236062 | Võ Lê Mỹ Linh         | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1821233632 | Đoàn Thanh Long       | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820233639 | Nguyễn Thị Ly         | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820234279 | Nguyễn Thị Phương Mai | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820234877 | Võ Thị Như Mai        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1821224268 | Trần Công Minh        | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820225700 | Nguyễn Thị My         | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820226519 | Lê Thị Hòa My         | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1820236520 | Nguyễn Thị Kiều My    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820234271 | Ngô Thị Tuyết Na      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820234276 | Trần Thị Ni Na        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820223629 | Lê Thị Nga            | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1820224870 | Nguyễn Thị Kiều Ngân  | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1821233634 | Võ Huỳnh Tuấn Nghi    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820234277 | Trần Thị Bích Ngọc    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1820235703 | Nguyễn Bích Ngọc      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1821244301 | Đỗ Văn Nhất           | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820234273 | Huỳnh Thị Yến Nhi     | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820234875 | Nguyễn Thị Thu Nhi    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1820236666 | Đặng Trần Anh Như     | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820236314 | Nguyễn Vy Ni          | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820266231 | Đoàn Thị Ni Ni        | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA

NGUYỄN HỒNG GIANG



MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Số TC : 3

Học kỳ : 2

Lần thi : 1

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | MÃ SV      | HỌ VÀ TÊN               | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                         |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820234881 | Nguyễn Thị Ny           | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820234874 | Phan Mỹ Phương          | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1820236440 | Lê Thị Minh Phượng      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1821235704 | Cao Văn Quang           | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1820236547 | Nguyễn Thị Quỳnh        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1821234280 | Nguyễn Tấn Sỹ           | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820234884 | Nguyễn Thị Băng Tâm     | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820235340 | Nguyễn Lê Thị Thanh Tâm | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1820235342 | Lê Phạm Anh Tâm         | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1821235344 | Đặng Văn Thái           | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1821236313 | Nguyễn Đại Thắng        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820226582 | Nguyễn Thiên Thạch Thảo | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820236438 | Văn Thị Thảo            | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1821224266 | Đặng Hưng Thịnh         | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1821224263 | Nguyễn Văn Thoại        | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 16  | 1820225336 | Nguyễn Thị Bích Thảo    | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 17  | 1821635264 | Nguyễn Minh Thông       | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 18  | 1821233631 | Từ Văn Thúc             | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 19  | 1820235343 | Nguyễn Thị Thanh Thúy   | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 20  | 1820234269 | Trần Thị Ngọc Thủy      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 21  | 1821224267 | Trần Quốc Toàn          | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 22  | 1820234283 | Trần Thị Ngọc Trâm      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 23  | 1820224262 | Nguyễn Thị Hoài Trang   | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                         |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THỊ

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

LÃNH ĐẠO KHOA



MÔN : TOÁN CAO CẤP C1 \* MÃ MÔN : MTH101

Thời gian : 15h30 NGÀY 05/01/2013 Phòng :

| STT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN             | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |            |                       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 1820233638 | Nguyễn Thị Thùy Trang | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 2   | 1820234882 | Nguyễn Thị Bảo Trang  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 3   | 1821235877 | Lê Tuyền Trịnh        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 4   | 1820236311 | Nguyễn Thanh Trúc     | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 5   | 1821234883 | Nguyễn Xa Hiền Tường  | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 6   | 1820234873 | Lê Thị Ánh Tuyết      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 7   | 1820235876 | Nguyễn Ngọc Uyên      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 8   | 1820235341 | Ngô Thị Hồng Vân      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 9   | 1821234888 | Phạm Ngọc Việt        | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 10  | 1821265727 | Võ Nguyên Vũ          | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 11  | 1820224872 | Phạm Thị Ái Vy        | MTH 101 E   | K18QTM1       |       |        |          |     |         |
| 12  | 1820233630 | Nguyễn Cửu Thảo Vy    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 13  | 1820236316 | Ngô Thị Xuân          | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 14  | 1821236312 | Lương Hoàng Xuân      | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 15  | 1820234880 | Đặng Thị Hoàng Yến    | MTH 101 E   | K18QTC1       |       |        |          |     |         |
| 16  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 17  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 18  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 19  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 20  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 21  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 22  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 23  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 24  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 29  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 30  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 31  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 32  |            |                       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV vắng: \_\_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬPGIÁM THỊGIÁM KHẢO 1GIÁM KHẢO 2LÃNH ĐẠO KHOA